

## LUẬT

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU  
CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ

*Căn cứ vào Điều 83 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  
Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự được Quốc hội nước Cộng  
hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 28 tháng 6 năm 1988.*

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự như sau:

1- Tại các Điều 20, 28, 42, 159, 166, 174, 184, 191, 198, 203, 205, 217, 218, 249, 251 và 263 thay các chữ "quyền và lợi ích hợp pháp" bằng chữ "quyền lợi, nghĩa vụ".

2- Khoản 3 Điều 29 về quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3. Người bào chữa; người bảo vệ quyền lợi của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự".

3- Điểm d khoản 1 Điều 62 về việc bắt bị can, bị cáo để tạm giam, được sửa đổi, bổ sung như sau:

"d) Trưởng công an, Phó trưởng công an cấp huyện; Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra cấp tỉnh trở lên; Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp trong Quân đội nhân dân. Trong trường hợp này, lệnh bắt phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành".

4- Điểm b, điểm c khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 63 về việc bắt người trong trường hợp khẩn cấp, được sửa đổi, bổ sung như sau:

"b) Khi người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn;

c) Khi thấy có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu huỷ chứng cứ.

2. Những người sau đây có quyền ra lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp:

a) Trưởng Công an, Phó trưởng Công an cấp huyện; Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra cấp tỉnh trở lên; Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp trong Quân đội nhân dân;

b) Người chỉ huy đơn vị quân đội độc lập cấp trung đoàn và tương đương; người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới;"

5- Khoản 2 Điều 68 về tạm giữ, được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Những người có quyền ra lệnh bắt khẩn cấp quy định tại khoản 2 Điều 63 của Bộ luật này có quyền ra lệnh tạm giữ".

6- Khoản 2 Điều 69 về thời hạn tạm giữ, được sửa đổi, bổ sung như sau:

"2. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan ra lệnh tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ, nhưng không quá ba ngày. Trong trường hợp đặc biệt, cơ quan ra lệnh tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ lần thứ hai và cũng không được quá ba ngày. Mọi trường hợp gia hạn tạm giữ đều phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn".

7- Khoản 1 Điều 70 về tạm giam, được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Tạm giam có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo phạm tội trong những trường hợp nghiêm trọng hoặc bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên một năm và có căn cứ để cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội".

8- Tên điều và khoản 2, khoản 3 Điều 93 về quyền hạn điều tra của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 93. Quyền hạn điều tra của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm và các cơ quan khác của lực lượng Cảnh sát nhân dân, lực lượng An ninh nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

2- Trong lực lượng Cảnh sát nhân dân, lực lượng An ninh nhân dân, Quân đội nhân dân, ngoài các cơ quan điều tra quy định tại Điều 92 của Bộ luật này, các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong khi làm nhiệm vụ của mình, nếu phát hiện sự

việc có dấu hiệu phạm tội, thì có quyền: khởi tố vụ án, tiến hành những hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra có thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày ra quyết định khởi tố vụ án.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể trong hoạt động điều tra của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm và các cơ quan khác của Lực lượng Cảnh sát nhân dân, Lực lượng An ninh nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, do Hội đồng Nhà nước quy định".

9- Điểm a khoản 3 Điều 141 về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát đối với hoạt động điều tra, được sửa đổi, bổ sung như sau:

"a) Kiểm sát việc khởi tố, tự mình khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và chuyển đến cơ quan điều tra để yêu cầu tiến hành điều tra; trực tiếp điều tra trong những trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 92 của Bộ luật này;"

10- Đoạn 2 khoản 1 và khoản 2 Điều 142 về quyết định của Viện kiểm sát sau khi kết thúc điều tra, được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Trong trường hợp cần thiết, Viện trưởng Viện kiểm sát có thể gia hạn thêm, nhưng không quá ba mươi ngày."

"2. Sau khi nhận hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát có quyền quyết định việc áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn. Thời hạn tạm giam không được quá thời hạn quy định tại đoạn 1 khoản 1 Điều này. Trong trường hợp cần thiết, Viện trưởng Viện kiểm sát có thể gia hạn, nhưng không được quá ba mươi ngày."

11- Đoạn 2 khoản 2 Điều 151 về thời hạn chuẩn bị xét xử, được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Đối với những vụ án phức tạp, Chánh án Toà án có thể quyết định kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử, nhưng không được quá ba mươi ngày."

12- Điều 152 về áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn, được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Sau khi nhận hồ sơ vụ án, Toà án có quyền quyết định việc áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn. Việc áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp tạm giam do Chánh án hoặc Phó chánh án Toà án quyết định."